

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-03-2025.

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Công.

2. Ông Lê Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 5, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1964;

Địa chỉ: B, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày :*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L với ông M chung sống như vợ chồng vào năm 2001, không có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó khoảng năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, nên làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà L xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn ông M.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trương Văn M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông M thống nhất theo lời trình bày của bà L về thời gian vợ chồng chung sống, cũng như không có đăng ký kết hôn.

Sau khi chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà L đi đâu làm gì không cho ông M biết, sau này cuộc sống chung không ai quan tâm đến ai, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Do đó, nay bà L xin ly hôn thì ông M đồng ý.

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có.

- NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trương Văn M. Do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”; Bị đơn ông M có nơi cư trú tại số nhà B, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Văn M chung sống như vợ chồng từ năm 2001, không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà L và ông M không được pháp luật công nhận.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

HĐXX xét thấy, sau khi chung sống, giữa bà L và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống không ai quan tâm đến ai, từ đó làm cho vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà L yêu cầu được ly hôn ông M. Ông M cũng đồng ý ly hôn bà L.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này”.

Do đó, xét yêu cầu bà L yêu cầu ly hôn ông M là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, do bà L và ông M không có đăng ký kết hôn nên HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trương Văn M.

[2.2] Về con chung: không có

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[2.4]. Về nợ chung: không có

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trương Văn M.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, bà L đã nộp ngày 17/01/2025 theo biên lai số 0014326 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (A)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mộng Thúy